TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2020/HNGĐ - ST
Ngày 09 - 6 - 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Bà Nguyễn Thị Lương

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1227/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 (Có mặt).
- *Bị đơn*: Ông Vũ Trọng H, sinh năm 1968 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ cư trú: Đường H, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 17 tháng 01 năm 2020 và Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 3 năm 2020, bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Vũ Trọng H tự nguyện sống chung từ năm 1993, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 40, Quyển số: 0I do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 14 tháng 4 năm 1993.

Sau khi kết hôn, bà và ông H sống với nhau một thời gian tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đến năm 2010 thì vợ chồng chuyển vào trong Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tại địa chỉ số 36/4/23 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, quận Tân Bình ở cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm

2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do ông H thay đổi tính tình, thường đi tiếp khách về khuya và tiếp xúc với nhiều người phụ nữ khác ở bên ngoài và mỗi lần như vậy thì vợ chồng lại gây gổ, cãi vã lẫn nhau, mặc dù vợ chồng và người thân trong gia đình đã ngồi lại với nhau nhiều lần để hàn gắn nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục.

Do không còn tình cảm, nên năm 2017 và đầu năm 2019, bà P đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để ly hôn với ông H nhưng do Tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo các Quyết định số 1120/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 106/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 để tạo cơ hội cho ông H sửa chữa tâm tính nhưng ông H vẫn tính nào tật nấy. Thậm chí vợ chồng còn làm đơn ly thân giữa hai vợ chồng ký ngày 15 tháng 3 năm 2019. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn mong Tòa án sớm giải quyết cho ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Bà và ông Vũ Trọng H có hai con tên Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994 và Vũ Nguyễn Phương A, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2020. Bà P có nguyện vọng giao con là Nguyễn Phương A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Viêc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết, còn Vũ Nguyễn Hoài T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía ông Vũ Trọng H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2020, Biên bản hòa giải vào ngày 03 tháng 3 năm 2020: Ông H xác nhận lời trình bày của bà P là đúng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì theo ông vợ chồng nào chẳng có mâu thuẫn, vì đây là mâu thuẫn nhỏ, vì công việc nên ông phải thường xuyên tiếp khách và ông cũng đã chia sẻ với bà P nhiều lần nhưng bà P vẫn không thông cảm tính chất công việc của ông, còn Đơn ly thân giữa ông và bà P ký ngày 15 tháng 3 năm 2019 thì ông và bà có ký, vì ông mong muốn có gia đình nên ông và bà P ký để bà P tin tưởng để yên ấm gia đình.

Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông cần gia đình. Ngày 11 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiếp tục tiến hành phiên hòa giải lần thứ hai để hàn gắn tình cảm bà P và ông H nhưng ông H không đến, dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp pháp. Ngày 28 tháng 4 năm 2020 Tòa án Tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18 tháng 5 năm 2020 nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Về Con chung: Ông Vũ Trọng H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2020, Biên bản hòa giải vào ngày 03 tháng 3 năm 2020, ông và bà Nguyễn Thị P có hai con tên là Vũ Nguyễn Phương A, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2002. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi con là Vũ

Nguyễn Phương A cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết. Còn Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Vũ Trọng H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2020, Biên bản hòa giải vào ngày 03 tháng 3 năm 2020 ông và bà Nguyễn Thị P không có.

Về nợ chung: Ông Vũ Trọng H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2020, Biên bản hòa giải ngày 03 tháng 3 năm 2020 ông và bà Nguyễn Thị P không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà P vẫn giữ yêu cầu như trên.
- Ông H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị P có đơn xin ly hôn với ông Vũ Trọng H, đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Bị đơn là ông H, có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] V*ề quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Trọng H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 40, Quyển số: 0I do Ủy ban nhân dân Phường 04, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 14 tháng 4 năm 1993, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Trọng H là hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3]*Xét yêu cầu xin ly hôn* của bà Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà P và ông H đã kéo dài từ nhiều năm, từ 2017 cho đến nay, bà P đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để ly hôn với ông H nhưng do Tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo các Quyết định số 1120/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 106/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2019 để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn nhưng cũng chỉ được một thời gian thì mâu thuẫn lại tiếp tục cụ thể cụ thể tại Đơn ly thân giữa ông Vũ Trọng H và bà Nguyễn Thị P ký ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đưa ra được biện pháp xây dựng hạnh phúc gia đình, Tòa án tiếp tục

tiến hành phiên hòa giải lần thứ hai nhưng ông H không đến Tòa dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp pháp. Ngày 28 tháng 4 năm 2020 Tòa án Tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần một vào ngày 18 tháng 5 năm 2020 nhưng ông H vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với bà Nguyễn Thị P. Nếu có chỉ từ phía ông H nên không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "1.Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…" Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P với ông Vũ Trọng H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà P và ông H có với nhau hai con tên là Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994 và Vũ Nguyễn Phương A, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2002. Tại bản lấy ý kiến của Vũ Nguyễn Phương A ngày 17 tháng 01 năm 2020 thì cháu có nguyện vọng được ở với ông H. Tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2020 và tại Biên bản hòa giai ngày 03 tháng 3 năm 2020 thì cả bà P và ông H đồng thỏa thuận giao Vũ Nguyễn Phương A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết. Còn Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải bà P và ông H khẳng định không có và tại phiên tòa, bà P khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải bà P và ông H khẳng định không có và tại phiên tòa, bà P khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

-Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

-Căn cứ Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Vũ Trọng H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 40, Quyển số: 0I do Ủy ban nhân dân Phường 04, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 14 tháng 4 năm 1993).

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Trọng H có hai con tên là Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994 và Vũ Nguyễn Phương A, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2002. Bà Nguyễn Thị P giao Vũ Nguyễn Phương A cho ông Vũ Trọng H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết. Còn Vũ Nguyễn Hoài T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1994 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Trọng H có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị P đến thăm con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Trọng H khai không có.

II/.Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị P nộp, được cấn trừ vào tiền tạm án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị P đã nộp theo Biên lai thu số 0039631 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Vũ Trọng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tống đạt hợp pháp bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (để xóa sổ bộ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Trần Văn Long

- Lưu văn phòng.